Chi tiết mã HS 8465.92.10

Mã HS	8465.92.10
Mô tả hàng hóa	Máy công cụ (kể cả máy đóng đinh, đóng ghim, dán hoặc lắp ráp bằng cách khác) dùng để gia công gỗ, lie, xương, cao su cứng, plastic cứng hoặc các vật liệu cứng tương tự / - Loại khác: / - - Máy bào, máy phay hoặc máy tạo khuôn (bằng phương pháp cắt): / - - - Để khắc vạch lên các tấm mạch in hoặc tấm dây in hoặc tấm nền của tấm mạch in hoặc tấm nền của tấm dây in, có thể lắp vừa được mũi khắc có đường kính chuôi không quá 3,175 mm, dùng để khắc vạch lên các tấm mạch in hoặc tấm dây in hoặc tấm nền của tấm mạch in hoặc tấm nền của tấm dây in
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 07:26:44
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84659210/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14246
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14246
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14246
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13583
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13524
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13524
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13524
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13524
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13524
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13524
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13578
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13578
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13578
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13578

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13578
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13578
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13579
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13579
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13579
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13579
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13579
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13579
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13582
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13530
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13538
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13538
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13538
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13538
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13538
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13538
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13569
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13569
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13569
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13569
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13569
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13569
VCFTA	2022	2022	3	VC!D13618
VCFTA	2023	2023	3	VC!E13618
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13618
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13618

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13618
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13618
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13601
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13601
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13601
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13601
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13601
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13601
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13601
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13601
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13601
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13601
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13601
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13601
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13616
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13616
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13616
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13616
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13616
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13616
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13615
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13615
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13615
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13615
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13615
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13615

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13595
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13595
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13595
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13595
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13595
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13595
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13595
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13603
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13603
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13603
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13603
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13603
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13603
RCEP B	2022	2022	0	B!D13603
RCEP B	2023	2023	0	B!E13603
RCEP B	2024	2024	0	B!F13603
RCEP B	2025	2025	0	B!G13603
RCEP B	2026	2026	0	B!H13603
RCEP B	2027	2027	0	B!I13603
RCEP C	2022	2022	0	C!D13603
RCEP C	2023	2023	0	C!E13603
RCEP C	2024	2024	0	C!F13603
RCEP C	2025	2025	0	C!G13603
RCEP C	2026	2026	0	C!H13603
RCEP C	2027	2027	0	C!I13603
RCEP D	2022	2022	0	D!D13602

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13602
RCEP D	2024	2024	0	D!F13602
RCEP D	2025	2025	0	D!G13602
RCEP D	2026	2026	0	D!H13602
RCEP D	2027	2027	0	D!I13602
RCEP E	2022	2022	0	E!D13606
RCEP E	2023	2023	0	E!E13606
RCEP E	2024	2024	0	E!F13606
RCEP E	2025	2025	0	E!G13606
RCEP E	2026	2026	0	E!H13606
RCEP E	2027	2027	0	E!I13606
RCEP F	2022	2022	0	F!D13603
RCEP F	2023	2023	0	F!E13603
RCEP F	2024	2024	0	F!F13603
RCEP F	2025	2025	0	F!G13603
RCEP F	2026	2026	0	F!H13603
RCEP F	2027	2027	0	F!I13603
VIFTA	2024	2024	2,6	VI!F12624
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G12624
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H12624
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I12624

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8465.92 có 2 dòng thuế; dòng 8465.92.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Để khắc vạch lên các tấm mạch in hoặc tấm dây in hoặc tấm nền của tấm mạch in hoặc tấm nền của tấm dây in, có thể lắp vừa được mũi khắc có đường kính chuôi không quá 3,175 mm, dùng để khắc vạch lên các tấm mạch in hoặc tấm dây in hoặc tấm nền của tấm mạch in hoặc tấm nền của tấm dây in.	8465.92.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8465.92.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8465.92.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14246), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.